

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-7-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Luyện

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Trường Ca

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996;

CCCD số: 027196004877 do cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021

HKTT: KDC T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Thôn Q, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

Nay là thôn Q, xã C, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1994;

CCCD số: 030094007679 do cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/5/2021.

Địa chỉ: Số nhà G đường T, KDC T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nay là: Số nhà G đường T, KDC T, phường C, thành phố Hải Phòng.

Chị H, anh S đều vắng mặt, có đơn, lời khai xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh S được tự do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2018 tại UBND phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng. Chúng tôi được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Vợ chồng chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh S chơi bời, đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, khi chị chỉ ra cái sai của anh S thì anh S nói anh S không phải xin lỗi. Ngoài ra, do sống chung với bố mẹ chồng nên nhiều khi giữa bố mẹ chồng và vợ chồng chị có mâu thuẫn, bố mẹ chồng có đuổi vợ chồng chị ra khỏi nhà, nên vợ chồng tôi thuê nhà trọ ở. Đến năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh S đánh chửi chị, nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị. Khi chị có đơn ra toà ly hôn thì anh S đã đến nhà chị chửi, đưa con đi và nói sẽ không cho chị đón con, đe dọa chị rất nhiều, nên chị đã rút đơn về và anh S đồng ý cho chị đón con về nhà bố mẹ chị ở. Kể từ đó, chị và anh S ít khi gọi điện, ít khi gặp gỡ nhau, anh S có xuống nhà chị cũng chỉ để thăm con. Chị có đi học nghề, nên có bảo anh S đưa tiền để nuôi con thì anh S không đưa, chửi chị. Mấy hôm sau, anh S xuống nhà chị và muốn đón con về nhà chơi nhưng con đang bị chảy máu cam, trời lạnh, hôm nào ấm thì đón con về sau, nhưng anh S không đồng ý, chửi và đe dọa giết cả nhà chị. Vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn.

Về mâu thuẫn của hai vợ chồng chị thì gia đình hai bên có biết, có động viên, hoà giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Bảo A, sinh ngày 21/3/2019, hiện nay đang ở với tôi và bố mẹ tôi. Hiện nay, cháu A sức khoẻ tốt, tâm sinh lý phát triển bình thường. Nay ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Đỗ Văn S trình bày: Anh và chị H được tự do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2018 tại UBND phường S, thị xã

C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị H cảm thấy không thoải mái với gia đình chồng. Đến khoảng năm 2022, anh chị đã dọn ra ở riêng một thời gian xong quay về nhà. Chị H thường xuyên về nhà ngoại, ít khi chung sống với anh, chỉ ở với anh được vài ngày. Đến năm 2023, chị H đưa con về ngoại ở hẳn, không nói một câu nào với anh và gia đình anh. Lý do chị H muốn ly hôn vì anh muốn đón con về, nhưng chị H không đồng ý. Do có uống rượu nên anh có lời nói không hay dẫn đến chị H quyết tâm ly hôn, nhưng anh không đánh chị H. Sau đó, anh có liên lạc với chị H để đón con nhưng chị H không cho anh gặp. Nay, chị H đã cương quyết ly hôn thì anh cũng đành chịu.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Bảo A, sinh ngày 21/3/2019, hiện nay đang sống cùng chị H. Anh không có quan điểm về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H nuôi con thì anh sẽ có trách nhiệm riêng với con anh.

Về quan hệ tài sản: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa làm việc, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S, niêm yết theo quy định của pháp luật. Tại bản tự khai, anh S có lời khai xin vắng mặt.

Bà Bùi Thị H1 (C) - là mẹ đẻ anh S trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Sơn và là mẹ chồng của chị H. Vợ chồng anh chị kết hôn năm 2018, sau khi kết hôn về chung sống với vợ chồng bà. Quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn to tát gì, bà rất thương và quý con dâu, còn chồng bà khó tính, nên con dâu cảm thấy không thoải mái. Chị H có nói với bà là anh S khô khan, ít nói, ít chia sẻ, tâm sự cùng chị H. Đến năm 2022, anh chị có mâu thuẫn, nên anh S có đánh chị H nên chị H làm đơn ly hôn, nhưng sau đó vợ chồng về đoàn tụ. Đến năm 2023, mẹ con chị H về nhà mẹ đẻ chị H sinh sống, chỉ nói là về xin đi học, đi làm, nhưng thực tế về ngoại để sinh sống, không xin phép gia đình bà, cũng không về chung sống với anh S. Cách đây, khoảng 3 tháng, anh S đón con về chơi, nhưng chị H không đồng ý, giữa hai anh chị có xảy ra xô xát, tranh cãi, anh S uống rượu có những lời nói không hay. Bà và anh S có đến xin lỗi, bà có trách mắng anh S. Vợ chồng anh chị mâu thuẫn từ đó cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh S thì gia đình bà không mong muốn,

nhưng chị H đã cương quyết thì gia đình bà đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn. Vợ chồng anh chị có 01 con chung đang ở cùng chị H, bà đồng ý để chị H nuôi con chung và anh S sẽ có trách nhiệm riêng với con. Anh chị không có tài sản gì. Toà án báo bà lên Toà án làm việc nhưng bà bận không lên được.

Bà Trương Thị B (là mẹ đẻ chị H) trình bày:

Anh S và chị H kết hôn với nhau năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Quá trình chị H, anh S chung sống với nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, về kinh tế gia đình, về sinh hoạt trong gia đình, anh S đi làm không đưa tiền cho chị H để chi tiêu trong gia đình, chị H có nói thì anh S chửi chị H. Đến khoảng năm 2022, chị H đã về nhà bà ở, chị H có nộp đơn ra toà để làm thủ tục ly hôn, nhưng sau đó chị H rút đơn về. Gia đình đã động viên hoà giải để chị H về đoàn tụ, nhưng sau đó chị H và anh S vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, anh S còn đến tận nhà bà đe giết cả nhà bà, bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị H ly hôn anh S. Chị H, anh S có 01 con chung hiện đang ở cùng chị tại nhà bà từ khi hai anh chị sống ly thân đến nay.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bị đơn anh S vắng mặt, có lời khai xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đỗ Văn S.
- 2. Về quan hệ con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đỗ Bảo A, sinh ngày 21/3/2019 đến khi con chung đủ 18

tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, người làm chứng được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị H khởi kiện xin ly hôn anh S, có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S, chị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2018 tại UBND phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị H cảm thấy không thoải mái với gia đình chồng. Chị H đã làm đơn ly hôn, nhưng sau đó vợ chồng đoàn tụ. Đến năm 2023, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, mẹ con chị H đã không chung sống cùng anh S kể từ đó cho đến nay. Chị H cương quyết xin ly hôn thì anh S cũng chấp nhận. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ công việc gia đình, khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly

thân. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H ly hôn anh S.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Bảo A, sinh ngày 21/3/2019, hiện nay đang ở với chị H và bố mẹ đẻ chị H. Nay ly hôn, chị H xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trường hợp chị H được nuôi con thì anh sẽ tự có trách nhiệm riêng với con. Xét thấy cháu A đang sinh sống ổn định cùng chị H; hiện chị H đi làm Spa thu nhập ổn định khoảng 15.000.000đ/tháng; bố mẹ đẻ chị H đảm bảo về chỗ ở cho mẹ con chị H, và ông bà hỗ trợ chị trong việc trông nom chăm sóc cháu khi chị H có công việc bận; ngoài ra, mẹ đẻ của anh S cũng đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở là phù hợp với thực tế phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh S đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đỗ Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đỗ Bảo A, sinh ngày 21/3/2019 đến khi con chung đủ 18

tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh S đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002625 ngày 10/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng;
- Lưu HS; VP;.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Luyến